

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ BẮC NINH
TỈNH BẮC NINH**

Bản án số: 44/2023/HNGĐ- ST
Ngày 04 tháng 08 năm 2023
V/v “Ly hôn và giao con khi ly hôn”

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập- Tự do- Hạnh phúc

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ BẮC NINH, TỈNH BẮC NINH

Với thành phần hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

- + *Thẩm phán- Chủ tọa phiên tòa:* ông Đỗ Thế Bình.
- + *Các Hội thẩm nhân dân:* Ông Đỗ Văn Sơn, ông Bùi Quang Hợi.
- + *Thư ký phiên tòa:* Ông Nguyễn Hữu Thao- Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Bắc Ninh, tỉnh Bắc Ninh.
- + *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Bắc Ninh, tỉnh Bắc Ninh tham gia phiên tòa:* Bà Hồ Thị Lê- Chức vụ: Kiểm sát viên.

Ngày 04/08/2023 tại trụ sở, Tòa án nhân dân thành phố Bắc Ninh, tỉnh Bắc Ninh mở phiên tòa sơ thẩm xét xử công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số: 280/2023/TLST- HNGĐ ngày 05 tháng 5 năm 2023 về việc “Ly hôn và giao con chung khi ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 47/2023/QĐST- HNGĐ ngày 17/07/2023 giữa:

+ **Nguyên đơn:** Chị Nguyễn Thị Th - Sinh năm 1995.

HKTT: Hiện trú tại: Khu T, phường V, thành phố B, tỉnh Bắc Ninh (có mặt).

+ **Bị đơn:** Anh Nguyễn Trung S- Sinh năm 1994.

HKTT: phường S, thành phố B, tỉnh Bắc Ninh (đã được triệu tập tham gia phiên tòa đến lần thứ 2 vắng mặt không có lý do chính đáng hay vì sự kiện bất khả kháng)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn ly hôn, ý kiến trình bày của chị Nguyễn Thị Th, các tài liệu có trong hồ sơ và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án tóm tắt như sau:

Sau thời gian đi lại tìm hiểu, ngày 23/06/2016 chị và anh Nguyễn Trung S đi đến hôn nhân, quan hệ hôn nhân giữa chị và anh S xuất phát trên nguyên tắc tự do, tự nguyện được UBND phường T, thành phố B, tỉnh Bắc Ninh làm thủ tục kết hôn và cấp giấy chứng nhận đăng ký kết hôn.

Sau khi kết hôn, vợ chồng sống cùng bố, mẹ chồng tại phường S, thành phố B, quá trình chung sống đời sống tình cảm vợ chồng không hạnh phúc. Nguyên nhân mâu thuẫn do vợ chồng không có sự thấu hiểu, quan tâm chia sẻ với nhau, chị và anh S ly thân và không còn chung sống với nhau từ tháng 3/2022, sau khi ly thân chị về sống cùng bố, mẹ đẻ ở khu T, phường V, thành phố B còn anh S vẫn ở cùng bố, mẹ đẻ là ông Nguyễn Văn H, bà Trịnh Thị Thu H tại phường S, thành phố B. Nay thấy tình cảm vợ chồng không còn, đời sống hôn nhân không hạnh phúc, cuộc sống chung không thể kéo dài, chị Th đề nghị tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh Nguyễn Trung S.

Về con chung: Chị và anh S có với nhau 02 con chung là cháu Nguyễn Trịnh Linh N, sinh ngày 20/8/2016 và cháu Nguyễn Yến N, sinh 27/11/2018, sau khi vợ chồng ly thân cháu Linh N ở với anh S còn cháu Yến N ở với chị. Nếu vợ chồng ly hôn, chị Th đề nghị tòa án giao cho mỗi người nuôi 01 con chung. Cụ thể, giao cho anh S nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục cháu Linh N, giao cho chị chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cháu Yến N; Về đóng góp phí tổn nuôi con: Chị Th không yêu cầu anh S phải đóng góp.

Về tài sản chung, trích chia công sức đóng góp: Chị Th không đề nghị tòa án giải quyết.

Về công nợ: Vợ chồng không nợ ai tiền bạc hay có nghĩa vụ dân sự với ai.

Về việc làm thu nhập: Chị Th hiện đang làm nhân viên bán quần áo, thu nhập bình quân 9.000.000đ/tháng.

Quá trình giải quyết vụ án, thông qua mẹ đẻ của anh S là bà Trịnh Thị Thu H, Tòa án nhân dân thành phố Bắc Ninh nhiều lần thông báo và gửi giấy triệu tập mời anh S đến làm việc, tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải và tham gia phiên tòa song anh S không đến làm việc.

Làm việc với con chung là cháu Nguyễn Trịnh Linh N, sinh ngày 20/8/2016, cháu cho biết: Hiện nay bố mẹ cháu không còn chung sống, cháu hiện đang sống với bố và ông bà nội tại phường S, thành phố B nếu bố mẹ ly hôn cháu muốn ở với mẹ.

Tại phiên tòa chị Th giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, đề nghị hội đồng xét xử giải quyết cho chị được ly hôn với anh Nguyễn Trung S và giao 02 con chung là cháu Nguyễn Trịnh Linh N, sinh ngày 20/8/2016 và cháu Nguyễn Yến N, sinh 27/11/2018 cho mỗi người nuôi 01 con chung, cụ thể: Chị nuôi cháu Yến N, anh S nuôi cháu Linh N; Về đóng góp phí tổn nuôi con: Chị Th không yêu cầu anh S phải đóng góp phí tổn nuôi con.

Tại phiên tòa bị đơn là anh S đã được tòa án triệu tập họp lệ đến lần thứ 2 theo qui định của pháp luật, song anh S vắng mặt không có lý do chính đáng hay vì sự kiện bất khả kháng.

Cũng tại phiên tòa sau khi đánh giá việc chấp hành và thực hiện pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký tòa án trong quá trình chuẩn bị xét xử và tại

phiên tòa là nghiêm túc; Việc chấp hành và thực hiện pháp luật của nguyên đơn là chị Th tuân thủ, đầy đủ các quyền và nghĩa vụ tố tụng, việc chấp hành và thực hiện các quyền, nghĩa vụ tố tụng của bị đơn là anh S là chưa tuân thủ đúng, đầy đủ các quyền và nghĩa vụ tố tụng. Về nội dung, đại diện Viện kiểm đề nghị Hội đồng xét xử Căn cứ khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56 và Điều 57, Điều 81, 82, 83 của Luật hôn nhân và gia đình; Khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự: Chấp nhận yêu cầu của chị Nguyễn Thị Th, xử cho chị Th ly hôn với anh Nguyễn Trung S

- Về giao con chung khi ly hôn: Giao cháu Nguyễn Trịnh Linh N, sinh ngày 20/8/2016 cho chị Th chăm sóc, nuôi dưỡng, giao cháu cháu Nguyễn Yến N, sinh 27/11/2018 cho anh S chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục, người không trực tiếp nuôi con có quyền thăm con sau ly hôn không ai được cản trở.

- Về đóng góp phí tổn nuôi con: Chị Th không yêu cầu nên không giải quyết.

- Về tài sản chung, công nợ, trích chia công sức: Các đương sự không yêu cầu nên không đặt ra giải quyết.

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, kết hợp với kết quả thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

1, *Về tố tụng*: Căn cứ nội dung yêu cầu khởi kiện của chị Nguyễn Thị Th thấy, chị Th yêu cầu tòa án giải quyết cho chị ly hôn với anh Nguyễn Trung S và giao các con chung chưa thành niên là cháu Linh N và cháu Yến N cho người trực tiếp sóc nuôi, nuôi dưỡng khi ly hôn. Căn cứ nội dung yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, Hội đồng xét xử xác định: Quan hệ tranh chấp giữa chị Th và anh S là “*Tranh chấp ly hôn và giao con chung khi ly hôn*”. Tòa án nhân dân thành phố B thụ lý, giải quyết vụ án là đúng thẩm quyền được quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của BLTTDS. Quá trình tố tụng anh S đã được tòa án triệu tập đến làm việc song không đến làm việc; Tại phiên tòa anh S đã được tòa án triệu tập hợp lệ đến lần thứ 2 vẫn vắng mặt không có lý do chính đáng hay vì sự kiện bất khả kháng, căn cứ khoản 1 Điều 228 của BLTTDS, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vụ án vắng mặt anh S theo quy định của pháp luật.

2. *Về nội dung*: Chị Nguyễn Thị Th và anh Nguyễn Trung S kết hôn ngày 23/6/2016 trên tinh thần tự do, tự nguyện, tuân thủ đầy đủ các điều kiện kết hôn, được UBND phường T, thành phố B, tỉnh Bắc Ninh làm thủ tục kết hôn và cấp giấy chứng nhận đăng ký kết hôn, nên quan hệ hôn nhân của chị Th và anh S là hợp pháp.

Xét tình trạng hôn nhân và mâu thuẫn vợ chồng thấy: Sau khi kết hôn chồng sống cùng gia đình nhà chồng tại phường S, thành phố B. Quá trình chung sống, đời sống hôn nhân giữa chị Th và anh S không hạnh phúc, vợ chồng đã ly thân không còn sống chung từ tháng 3/2022 đến nay. Xét tình cảm giữa chị Th và anh S không còn, mâu thuẫn vợ chồng đã đến mức trầm trọng, cuộc sống chung không thể tiếp tục kéo dài, nên cần chấp nhận yêu cầu của chị Th, xử cho chị Th được ly hôn với anh S.

+ *Về con chung và giao con chung khi ly hôn*: Chị Th và anh S có với nhau 02 con chung là cháu Nguyễn Trịnh Linh N, sinh ngày 20/8/2016 và cháu Nguyễn Yến N, sinh 27/11/2018. Sau khi xem xét việc làm, thu nhập và điều kiện chăm sóc nuôi dạy các con, nguyện vọng của con chung cũng như thực trạng chăm sóc, nuôi dưỡng con sau khi vợ chồng ly thân thấy: Về điều kiện chăm sóc, nuôi dưỡng con thì hiện nay cả chị Th và anh S đều có việc làm và thu nhập, anh S và chị Th đều đủ điều kiện chăm sóc, nuôi dưỡng các con. Tuy nhiên xét thực trạng chăm sóc, nuôi dưỡng con sau khi vợ chồng ly thân thấy: Sau khi vợ chồng ly thân cháu Linh N ở cùng bố là anh S, còn cháu Yến N ở cùng với chị Th việc chị Th đề nghị khi ly hôn giao cho mỗi người nuôi 01 con chung, cụ thể giao cho anh S chăm sóc, nuôi dưỡng cháu Nguyễn Trịnh Linh N, giao cho chị Th nuôi dưỡng, chăm sóc cháu Nguyễn Yến N thấy là phù hợp cần chấp nhận; *Về đóng góp phí tổn nuôi con*: Chị Th và anh S không yêu cầu nên không đặt ra giải quyết.

+ *Về tài sản chung, công nợ và trích chia công sức*: Các bên đương sự không yêu cầu nên không giải quyết.

3. *Về án phí*: Chị Nguyễn Thị Th phải chịu án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm.

Vì các lẽ trên:

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56 và Điều 57, Điều 81, 82, 83 của Luật hôn nhân và gia đình; Khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 143, 144, 146, 147, 228, 235, 266, 271 và 273 của Bộ luật tố tụng dân sự; Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy Ban Thường vụ Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí tòa án.

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Nguyễn Thị Th.

* *Về quan hệ hôn nhân*: Xử cho chị Nguyễn Thị Th ly hôn với anh Nguyễn Trung S.

** Về con chung và giao con chung khi ly hôn:* Vợ chồng có 02 con chung là cháu Nguyễn Trịnh Linh N, sinh ngày 20/8/2016 và cháu Nguyễn Yến N, sinh 27/11/2018. Khi ly hôn giao cháu Linh N cho anh Nguyễn Trung S chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục; Giao cháu Yến N cho chị Nguyễn Thị Th chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục, người không trực tiếp nuôi con có quyền thăm nom con không ai được cản trở.

** Về đóng góp phí tổn nuôi con:* Không yêu cầu nên không đặt ra giải quyết.

** Về tài sản chung, công nợ, trích chia công sức:* Các bên không yêu cầu nên không giải quyết.

2. *Về án phí:* Chị Nguyễn Thị Th phải chịu 300.000đ án phí HNGĐ sơ thẩm. Xác nhận chị Th đã nộp đủ án phí HNGĐ sơ thẩm theo Biên lai thu số AA/2022/0000140 ngày 17/5/2023 của Chi cục thi hành án dân sự thành phố Bắc Ninh.

3. *Về quyền kháng cáo:* Chị Th có mặt, có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án; Anh S vắng mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được kết quả hoặc niêm yết bản án.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh BN;
- VKSND tỉnh BN;
- VKSNDTP BN;
- Chi cục THADSTPBN;
- Các đương sự;
- UBND p Tiền án, TPBN;
- Lưu HS, VP

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán- Chủ tọa phiên tòa

Đỗ Thế Bình

